

Số: 08 /2012/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;
Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18/5/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 về việc quy định mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 116/TT-STC ngày 29/5/2012 về việc quy định mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Đối tượng:

1.1. Đối tượng phải nộp phí, lệ phí: Các tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án; yêu cầu cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên, cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án đối với các tài sản thuộc đối tượng đăng ký theo Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

1.2. Các trường hợp không thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

- Các cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại các tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên;

- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo về việc kê biên.

1.3. Các trường hợp không thu lệ phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm:

- Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên trong hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp;

- Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

- Điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

2. Danh mục thu và mức thu:

STT	Danh mục thu	Mức thu (đồng/hồ sơ, hoặc trường hợp)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm	70.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000
5	Cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm	30.000

3. Cơ quan thu phí, lệ phí:

- Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí và lệ phí đối với tổ chức.

- Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thu phí và lệ phí đối với cá nhân, hộ gia đình.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thu phí và lệ phí đối với cá nhân, hộ gia đình (trong trường hợp được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện ủy quyền).

4. Chế độ quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí thu được:

- Đối với đơn vị thu phí, lệ phí được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động: Nộp 100% phí, lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

- Đối với đơn vị thu phí, lệ phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động: Được giữ lại 90%, nộp 10% phí, lệ phí thu được vào Ngân sách nhà nước.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành; các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ;

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *a*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH^T.



Nguyễn Văn Thông